

TÓM TẮT TỔNG QUAN

NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG CHO VIỆT NAM: CƠ HỘI VÀ RÀO CẢN ĐỐI VỚI TUẦN HOÀN NHỰA



Ảnh: Nguyễn Quang Ngọc Tonkin - Shutterstock



WORLD BANK GROUP

THE WORLD BANK
IBRD • IDA

IFC

International
Finance Corporation

PROBLUE



Administered by
THE WORLD BANK
IBRD • IDA | WORLD BANK GROUP

Nhựa có đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam

Kể từ những năm 1950, việc sử dụng các sản phẩm nhựa đã tăng gấp hai mươi lần do nhựa có giá thành rẻ, có nhiều đặc tính chức năng, bền, và có nhiều ứng dụng. Năm 2018, sản lượng nhựa toàn cầu đạt 360 triệu tấn.¹ Nhựa được sử dụng phổ biến trong nhiều ngành công nghiệp ở Việt Nam, bao gồm bao bì, hàng tiêu dùng, điện tử, ô tô, hàng không, dệt may, và nông nghiệp. Năm 2019, ngành nhựa Việt Nam sản xuất 8,89 triệu tấn sản phẩm, và có đóng góp ước tính 17,5 tỷ USD cho nền kinh tế quốc gia, hay tương đương với 6,7% GDP.²

Tình trạng quản lý chất thải nhựa không phù hợp gây ra những hậu quả ngày càng lớn về kinh tế, môi trường, và xã hội

Tình trạng quản lý chất thải nhựa không phù hợp từ các nguồn trên đất liền, đặc biệt ở dạng bao bì sử dụng một lần hoặc ngắn hạn, gây ra chi phí kinh tế và xã hội đáng kể trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam, do làm giảm năng suất của các hệ thống tự nhiên quan trọng và gây tắc nghẽn hạ tầng đô thị. Trên toàn cầu, 5 đến 13 triệu tấn rác thải nhựa bị rò rỉ ra đại dương hàng năm.³ Ước tính, Châu Á gây ra trên 80% lượng nhựa rò rỉ ra đại dương, vì 8 trong số 10 quốc gia gây rò rỉ nhiều nhất nằm ở khu vực này. Theo một nghiên cứu toàn cầu, Việt Nam là quốc gia gây ô nhiễm nhựa đại dương thứ tư trên thế giới.⁴ Trên toàn cầu, chi phí của việc bao bì nhựa gây ảnh hưởng tới môi trường bên ngoài sau sử dụng, cộng với chi phí gắn với phát thải khí nhà kính trong quá trình sản xuất nhựa, được ước tính một cách thận trọng ở mức 40 tỷ USD hàng năm, còn cao hơn tổng lợi nhuận của ngành bao bì nhựa.⁵ Mỗi năm, một lượng bao bì nhựa trị giá 80-120 tỷ USD bị thất thoát khỏi nền kinh tế toàn cầu do thiếu tái chế và tạo ra giá trị dưới mức tối ưu kể cả khi có tái chế. Tất cả những yếu tố này đã góp phần nâng cao nhận thức toàn cầu về quản lý chất thải nhựa, và những lo ngại về ô nhiễm nhựa đã được người tiêu dùng bình thường của Việt Nam nhận thức rõ.

Các bên liên quan thuộc khu vực nhà nước và tư nhân ngày càng tích cực giải quyết vấn đề chất thải nhựa

Chính phủ Việt Nam đã có một số cam kết công khai về giảm rác thải nhựa trên biển và đại dương thông qua nhiều biện pháp khác nhau. Năm 2019, Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 (Quyết định số 1746/QĐ-TTg). Tháng 12 năm 2020, văn phòng Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình Đối tác Hành động Quốc gia về Nhựa (NPAP), một nền tảng cho nhiều chủ thể của Diễn đàn Kinh tế Thế giới nhằm thực hiện các cam kết giảm thiểu ô nhiễm nhựa. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ Môi trường (Luật BVMT) năm 2014 được Quốc hội thông qua vào tháng 11 năm 2020. Luật BVMT sửa đổi đã có các điều khoản quy định chính phủ, nhà sản xuất và người tiêu dùng có trách nhiệm lớn hơn đối với chất thải nhựa. Có hiệu lực từ 01/01/2022, Luật BVMT sửa đổi có quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) đối với bao bì nhựa và các chất

- 1 Euractiv, "[Plastic production on the rise worldwide but slowing in Europe](#)" (2019)
- 2 Vietnam+, "[Plastics industry posts 7.2 percent increase in output in 2019](#)" (2019)
- 3 Jenna Jambeck, "[Plastic waste inputs from land into the ocean](#)" (2015)
- 4 Jenna Jambeck, "[Plastic waste inputs from land into the ocean](#)" (2015)
- 5 Quỹ Ellen MacArthur, Nền Kinh tế Nhựa mới: Nghĩ lại về Tương lai của Nhựa (2016)

thải khác. Khu vực tư nhân cũng tích cực tham gia các sáng kiến đang diễn ra như sáng kiến Hợp tác Công Tư (PPC) Việt Nam, Liên minh Tái chế Bao bì (PRO) Việt Nam, và từng doanh nghiệp cũng có nỗ lực riêng. Ngoài ra, năm 2020, Việt Nam đã chứng kiến chương trình tài trợ xanh đầu tiên trên quy mô lớn do VP Bank, một ngân hàng trong nước thực hiện với khoản tín dụng trị giá 212,5 triệu USD do Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) cấp. 6 Chương trình này bao gồm tám nhóm Tài sản Xanh, trong đó có nhóm “sản phẩm, sản xuất, và công nghệ thân thiện với môi trường và/hoặc phù hợp với nền kinh tế tuần hoàn”.

Mặc dù các khía cạnh của mô hình tái sử dụng, tái nạp, và phân phối mới của nền kinh tế tuần hoàn nhựa đã được đánh giá, nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào tái chế nhựa, là phân khúc mà khu vực tư nhân có nhiều cơ hội đầu tư quy mô lớn để giải quyết ô nhiễm nhựa

Kết luận của nghiên cứu này cho thấy việc tái chế, đặc biệt là đối với nhựa cứng có giá trị cao, là đòn bẩy chính để các cơ hội đầu tư của khu vực tư nhân có tác động và có quy mô lớn giúp chuyển hướng khối lượng lớn chất thải nhựa ra khỏi các bãi thải, bãi chôn lấp, và đường bờ biển dài của Việt Nam. Các giải pháp tái chế phi tập trung gắn với các nguồn phát sinh chất thải có thể giúp thúc đẩy quá trình chuyển đổi hướng đến nền kinh tế tuần hoàn bằng cách quản lý chất thải như một nguồn tài nguyên có giá trị, phát triển thị trường nội địa cho vật liệu thứ cấp, và tận dụng khu vực phi chính thức ở Việt Nam. Các mô hình tái nạp/tái sử dụng và phân phối mới đã được đánh giá ngắn gọn, nhưng các thương hiệu toàn cầu hiện không tập trung vào những mô hình kinh tế tuần hoàn này ở Việt Nam do những thách thức như chi phí cao hơn, thách thức về kho vận, và sự ưa thích của người tiêu dùng địa phương. Báo cáo này trình bày các phương án chính sách để hỗ trợ việc áp dụng các mô hình tái sử dụng và tái nạp trong tương lai. Ngoài ra, Ngân hàng Thế giới đang tiến hành phân tích nhằm cung cấp cơ sở để xác định 10 sản phẩm nhựa ưu tiên hàng đầu

là mục tiêu của các chính sách và các khoản đầu tư tại Việt Nam. Phân tích này là sẽ hỗ trợ tư vấn cho chính phủ về các chính sách để giải quyết các sản phẩm nhựa mục tiêu.

Chính phủ Việt Nam khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân để hỗ trợ nỗ lực đạt được mục tiêu tham vọng về quản lý chất thải nhựa quốc gia

Phần lớn hoạt động tái chế của quốc gia diễn ra tách biệt với hệ thống quản lý chất thải rắn đô thị (MSW) thông qua chuyển hướng ngược dòng, do khu vực phi chính thức trực tiếp thực hiện, bao gồm người nhặt rác, người thu gom, cơ sở thu mua, và điểm tập kết phế liệu, dẫn đến một nền kinh tế song song cho việc thu gom và bán phế liệu tái chế. Nghiên cứu này xác định hiện trạng của ngành tái chế chất thải nhựa trong nước, bao gồm cung cầu, cơ hội thị trường, động lực và rào cản đối với tăng trưởng, đồng thời khuyến nghị các hành động mà chính phủ cần thực hiện.

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương thức chuỗi giá trị ngành nhựa nhằm xác định các bên liên quan chính ở Việt Nam, bao gồm người sản xuất, người dùng, và tái chế nhựa, và chỉ ra các động lực thị trường và thách thức đối với việc mở rộng quy mô tái chế

Bản đồ chi tiết chuỗi giá trị ngành nhựa cho các loại nhựa Polyethylene Terephthalate (PET), Polyethylene mật độ cao (HDPE), Polyethylene mật độ thấp (LDPE) và Polypropylene (PP) được lập bằng cách thu thập dữ liệu về sản xuất, xuất/nhập xuất khẩu, sử dụng, thu gom, thu hồi, và tái chế nhựa. Phân tích này cho thấy có áp lực về giá và cầu đối với hầu hết các loại nhựa tái chế, trừ nhựa tái chế cấp thực phẩm, vì nhu cầu đối với loại nhựa này chủ yếu tăng theo yêu cầu của cơ quan quản lý ở EU và các cam kết tự nguyện của các thương hiệu toàn cầu. Phân tích cũng cho thấy những thiếu hụt đáng kể về năng lực tái chế đối với hầu hết các loại nhựa.

Nghiên cứu này bao gồm công tác thu thập dữ liệu cơ sở chi tiết, phân tích, và trao đổi với các bên liên quan thuộc khu vực tư nhân trong chuỗi giá trị ngành nhựa, các bên liên quan thuộc chính quyền, và các chuyên gia khác. Những hoạt động này đã dẫn tới ba phát hiện định lượng chính và tám giải pháp can thiệp được khuyến nghị thực hiện để thúc đẩy hoạt động tái chế nhựa ở Việt Nam.

6 VietReader - [VPBank signed a US\\$100 million loan agreement with IFC to boost funding for SMEs struggling due to COVID](#) (2020)

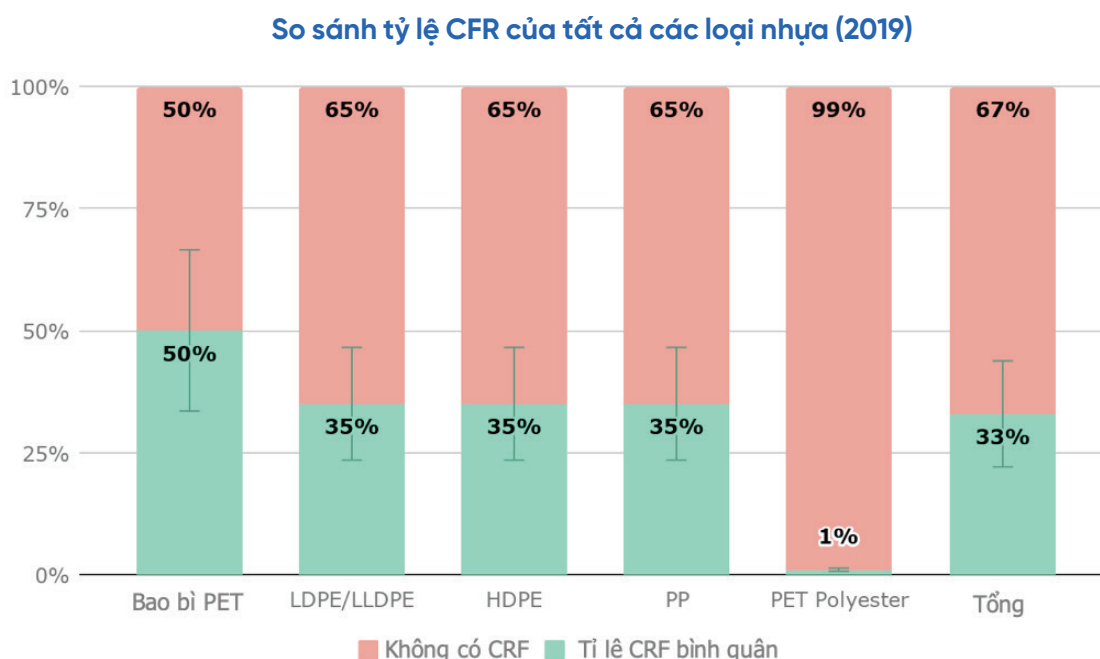
Phát hiện Chính: Tỷ lệ Thu gom Tái chế (CFR) và Tổn thất Giá trị Vật liệu

Việt Nam tái chế khoảng 33% các loại nhựa chủ yếu trong năm 2019.

Mỗi năm, khoảng 3,90 triệu tấn nhựa PET, LDPE, HDPE và PP được tiêu thụ tại Việt Nam. Trong số này, 1,28 triệu tấn (33%) được tái chế (xem Hình 1 dưới đây). Bao bì PET có tỷ lệ thu gom tái chế (CFR) cao nhất trong số tất cả các loại nhựa chủ yếu, ở mức 50%, vì: (i) số lượng ứng dụng cuối cùng của

bao bì PET còn hạn chế so với các loại nhựa khác, nhờ đó đơn giản hóa quá trình thu gom và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu gom dữ liệu cụ thể cho bao bì PET; (ii) công nghệ tái chế hiện có và công suất xử lý bao bì PET tương đối cao giúp loại nhựa này “khởi đầu thuận lợi” so với các loại nhựa khác; và (iii) bao bì PET, tính theo hạng mục riêng, có mức tiêu thụ thấp hơn nhiều so với các loại nhựa khác. Tuy nhiên, tỷ lệ tái chế đối với từng loại nhựa/định dạng bao bì lại rất khác nhau, tùy thuộc vào giá nhựa nguyên sinh, mục đích sử dụng cuối cùng của nhựa tái chế, và các yếu tố thị trường khác.

Hình 1
TỶ LỆ CFR DỰ KIẾN CHO TỪNG LOẠI NHỰA (2019)



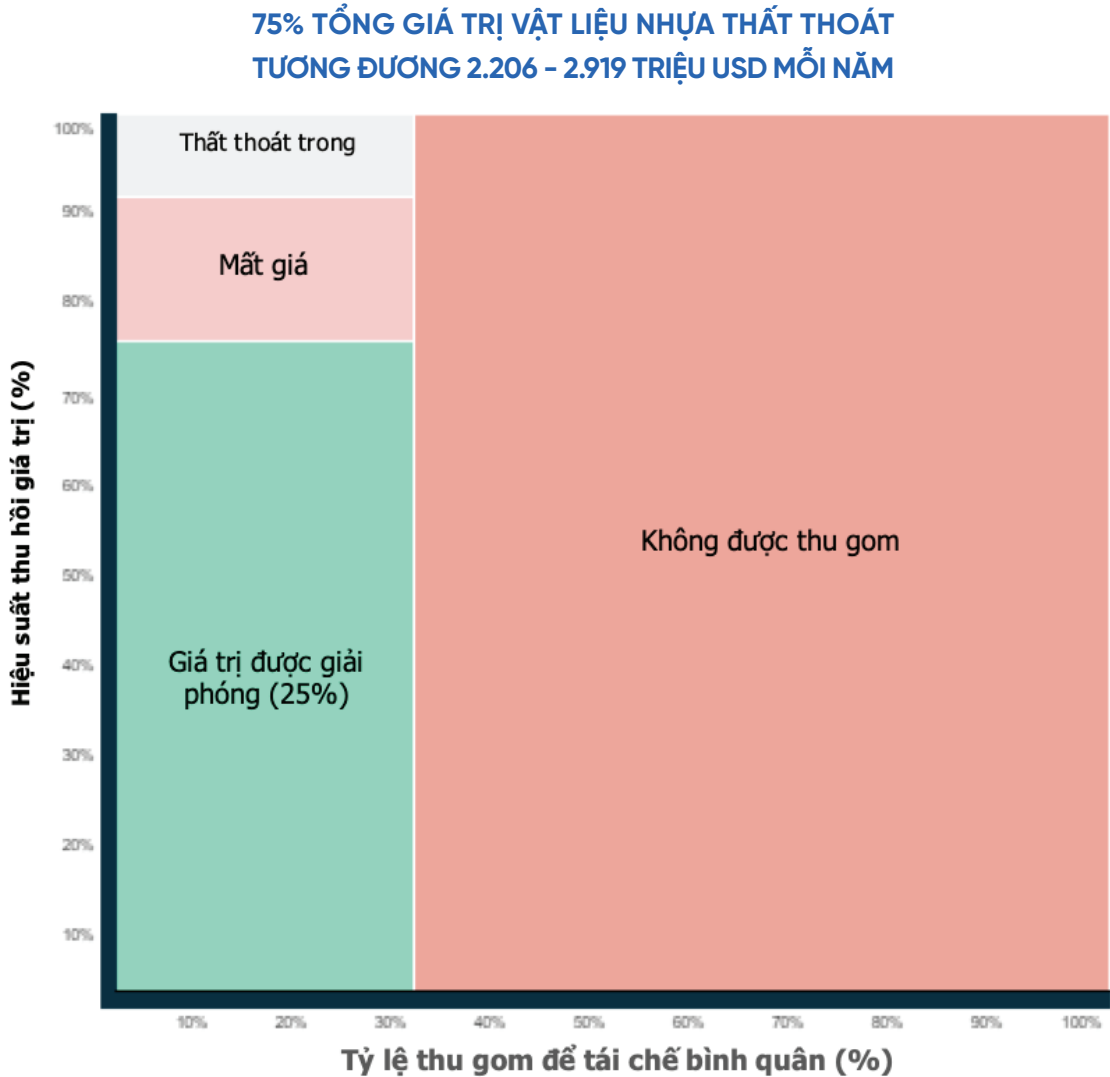
Ảnh: xuanhuongho - Shutterstock

Có tới 2,62 triệu tấn nhựa bị thải bỏ mỗi năm, tức là không được tái chế, dẫn đến mất 75% giá trị vật liệu của nhựa, tương đương từ 2,2 - 2,9 tỷ USD mỗi năm.

Nếu tất cả các loại nhựa PET, HDPE, LDPE, và PP sử dụng ở Việt Nam được thu gom và tái chế thành các sản phẩm tái chế có giá trị nhất, về lý thuyết tổng giá trị vật liệu giải phóng được nhờ tái chế sẽ tương đương 3,4 tỷ USD mỗi năm. Hiện mới có 25% tổng giá trị vật liệu nhựa, tương đương 872 triệu USD, được giải phóng hàng năm, tính theo tỷ lệ tái chế 33% và

thu hồi được 77% giá trị từ tái chế nhựa. Tình trạng này gây thiệt hại từ 2,2 - 2,9 tỷ USD giá trị vật liệu tiềm tàng từ tái chế mỗi năm (Hình 2). Có thể tận dụng được cơ hội thị trường tiềm năng này nhờ các khoản đầu tư lớn của khu vực nhà nước và tư nhân để cải thiện việc thu gom/phân loại chất thải, tạo lập môi trường thuận lợi để cải thiện hiệu quả kinh tế của tái chế, và các giải pháp can thiệp khác mang tính hệ thống để giải quyết các thất bại của thị trường.

Hình 2
PHÂN TÍCH THẤT THOÁT GIÁ TRỊ VẬT LIỆU ĐỐI VỚI CÁC LOẠI NHỰA PHỔ BIẾN (PET, PP, HDPE VÀ LDPE, 2019)



Một số thách thức về cơ cấu gây thất bại thị trường đối với tái chế nhựa, dẫn tới tổn thất đáng kể hàng năm về giá trị vật liệu

Mỗi năm, tổn thất về giá trị vật liệu lên tới 2,2-2,9 tỷ USD là do nhiều thách thức cơ cấu có tác động đến tỷ lệ CFR và hiệu suất thu hồi giá trị. Những thất bại của thị trường bao gồm tình trạng tăng giá mạnh của giá hạt nhựa nguyên sinh và hạt nhựa tái chế, thiếu nhu cầu bền vững đối với nhựa tái chế tại địa phương, khả năng tiếp cận tài chính của đơn vị tái chế, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN), nguồn cung không đều và có rủi ro từ khu vực phi chính thức, phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu phế liệu nhựa, không có tiêu chuẩn thiết kế để tái chế, và hệ thống quản lý chất thải ưu tiên thu gom và xử lý hơn so với tái chế. Những thách thức này đã xuất hiện và càng trở nên nghiêm trọng cùng với đại dịch COVID-19, vì nguồn cung cho ngành công nghiệp tái chế sụt giảm do thay đổi về hành vi tiêu dùng và sụt giảm đáng kể nhu cầu đối với các sản phẩm tái chế do giá dầu thấp và suy thoái kinh tế.

Giải pháp can thiệp Đề xuất và Hành động Ưu tiên

Nghiên cứu này khuyến nghị thực hiện tám giải pháp can thiệp theo chủ đề và 29 hành động để Việt Nam có thể giải phóng thêm đáng kể giá trị vật liệu thông qua tái chế nhựa. Mỗi giải pháp can thiệp có khả năng giải phóng giá trị vật liệu từ 0,8 - 1,8 tỷ USD mỗi năm. Tuy nhiên, những can thiệp này có thể trùng lặp, do đó tổng giá trị có thể giải phóng sẽ thấp hơn tổng giá trị của các can thiệp đơn lẻ. Về lý thuyết, giá trị tối đa có thể giải phóng có thể lên tới 2,2 - 2,9 tỷ USD mỗi năm nếu một số thất bại về cơ cấu và thị trường được giải quyết hiệu quả và kịp thời. Mục tiêu chính của phân tích giá trị vật liệu này là nâng cao nhận thức của khu vực nhà nước và tư nhân về giá trị tổn thất có thể thu hồi hàng năm bằng cách tăng đáng kể tỷ lệ thu gom chất thải nhựa và hỗ trợ/tối ưu hóa ngành công nghiệp tái chế trong nước. Chi phí để thực hiện các khuyến nghị khác nhau sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố cụ thể theo địa điểm và chưa được ước tính trong nghiên cứu thị trường này. Tương tự như vậy, phân tích chi phí - lợi ích chi tiết cho từng khuyến nghị chưa được thực hiện nhưng có thể được thực hiện trong các nghiên cứu khả thi và phân tích chính sách tiếp theo để cho phép các cơ quan chức năng thực hiện các hành động được khuyến nghị cho khu vực nhà nước và tư nhân.

Các giải pháp can thiệp cả trong ngắn hạn và dài hạn có thể củng cố môi trường thuận lợi, cải thiện nhu cầu nhựa tái chế tại địa phương, và giúp

mở rộng quy mô ngành công nghiệp tái chế trong nước nhờ tạo ra cơ hội đầu tư cho khu vực tư nhân. Các giải pháp can thiệp có mục tiêu tăng cường cơ sở hạ tầng quản lý chất thải rắn (QLCTR) và cải thiện hoạt động tại Việt Nam, là những cải thiện cần thiết để quản lý CTRĐT hiệu quả hơn trong khi chuyển đổi từ mô hình tuyến tính hiện tại là thu gom chất thải vào cuối vòng đời và xử lý tại bãi chôn lấp sang nền kinh tế tuần hoàn nhựa. Việc thực hiện các khuyến nghị tập trung vào tuần hoàn nhựa cũng có thể giúp cải thiện năng lực và giảm chi phí vốn cho các phương án xử lý QLCTR không chôn lấp trong tương lai (vd: nhiên liệu có nguồn gốc từ rác thải) bằng cách chỉ xử lý những chất thải không thể thu hồi, tái chế, hoặc tái sử dụng sáng tạo (upcycle) để thu hồi giá trị. Tám giải pháp can thiệp theo chủ đề được giải thích dưới đây.

Thúc đẩy tuần hoàn nhựa thông qua việc kịp thời hoàn thiện các nghị định và thông tư chính hướng dẫn Luật BVMT

Luật BVMT sửa đổi mới nhất năm 2020 là khung pháp lý chung áp dụng đối với tất cả các ngành, các loại chất thải, và các giải pháp khác nhau. Các điều khoản có liên quan nhất đến tuần hoàn nhựa trong Luật BVMT hiện hành là: Điều 53, 54, 55 (Trách nhiệm tái chế và EPR), Điều 146 (Mua sắm xanh); Điều 149, 150 (Tín dụng xanh và Trái phiếu xanh), và Điều 75, 76, 77, 78, 79, 80 (Quản lý chất thải rắn sinh hoạt). Những điều khoản này là điểm cải tiến so với Luật BVMT 2014. Tuy nhiên, điều quan trọng là các nghị định và thông tư được xây dựng cho Luật BVMT mới phải có khả năng thực hiện và thực thi với các mục tiêu thực tế. Cần phân giao nhiệm vụ rõ ràng cho các cơ quan chính phủ và các cơ quan, ban ngành liên quan, cần có lộ trình để đạt được các mục tiêu một cách thành công, cung cấp nguồn lực và hướng dẫn, và nâng cao năng lực để các cơ quan, ban, ngành có thể thực hiện nhiệm vụ. Tham vấn chi tiết với các chuyên gia và với ngành cũng có ý nghĩa quan trọng.

Những nội dung quan trọng cần cân nhắc đưa vào các nghị định và thông tư hướng dẫn Luật BVMT bao gồm, nhưng không giới hạn, những nội dung sau:

- Chính sách nhằm giảm tiêu thụ nhựa (vd: dần loại bỏ các sản phẩm nhựa sử dụng một lần không cần thiết) và đẩy nhanh việc áp dụng các hệ thống tái sử dụng (vd: chai có thể nạp lại, phân phối mới, và các mô hình kinh doanh). Đối với các sản phẩm nhựa sử dụng một lần có giá trị thấp mà không có phương án thay thế phù hợp, các chính sách hiệu quả có thể

bao gồm cấm và hạn chế đưa sản phẩm đó ra thị trường, áp dụng phí đối với người tiêu dùng, nhà sản xuất, hoặc nhà nhập khẩu, và thuế vì những công cụ chính sách này có ảnh hưởng trực tiếp nhiều hơn đến hành vi của người tiêu dùng và góp phần nhanh chóng đạt được kết quả đáng kể. Cần thực hiện thêm phân tích chính sách và trao đổi với các bên liên quan để xác định công cụ chính sách thích hợp cho từng sản phẩm và lộ trình áp dụng.

- Các mục tiêu bắt buộc về thu gom tái chế phải được điều chỉnh phù hợp dựa trên mức độ có thể tái chế của các loại nhựa và sản phẩm, phù hợp với cơ sở hạ tầng tái chế của địa phương. Cần bổ sung các mục tiêu tái sử dụng ngoài mục tiêu tái chế trong dự thảo Nghị định về EPR vì nhà sản xuất cũng có trách nhiệm tái sử dụng theo Điều 53, khoản 1, mục c) Luật BVMT.
- Mức phí có điều chỉnh cho các loại bao bì nhựa khác nhau dựa trên khả năng tái chế với mức phí cao hơn cho bao bì có giá trị tái chế thấp hơn và không tái chế được.
- Các mục tiêu bắt buộc về hàm lượng tái chế vì theo nghiên cứu này Việt Nam đã có đủ năng lực tái chế để đạt được tối thiểu 20% hàm lượng tái chế cho bao bì PET, PP, HDPE và LDPE/LLDPE vào năm 2030. Liên quan đến vấn đề này, dự thảo Nghị định về EPR nên có quy định yêu cầu nhà sản xuất phải sản xuất những sản phẩm dễ tháo dỡ, bền hơn, có thể sửa chữa, sử dụng ít bao bì hơn, và các biện pháp khác góp phần ngăn ngừa phát sinh chất thải.

Tăng hiệu quả thu gom và phân loại chất thải nhựa

Hoạt động thu gom của khu vực phi chính thức không hiệu quả và do đó có chi phí đắt hơn so với phế liệu nhựa nhập khẩu, gây ảnh hưởng bất lợi đến hiệu quả kinh tế của tái chế. Điều này, cùng với rò rỉ do phạm vi thu gom CTRĐT chính thức chưa đủ, cho thấy nhu cầu cấp thiết phải có một hệ thống quản lý chất thải rắn (QLCTR) tổng hợp và hiệu quả hơn, bao gồm cải thiện phạm vi thu gom, phân loại tại nguồn và thu gom riêng, có lộ trình tái chế, và địa điểm xử lý an toàn. Do đó, để cải thiện hiệu quả kinh tế của tái chế, cần phải tăng hiệu quả thu gom và phân loại chính thức trên toàn bộ chuỗi giá trị ngành nhựa hậu tiêu dùng, bao gồm các giai đoạn xử lý chất thải tiêu dùng, thu gom, vận chuyển, và phân loại riêng vật liệu từ các nguồn hỗn hợp. Ở mức tối thiểu, việc phân loại chất thải hữu cơ ướt và chất thải tái chế khô tại nguồn sẽ làm giảm đáng

kể tỷ lệ ô nhiễm chất thải nhựa. Ngoài ra, cần có chuỗi cung ứng chất thải minh bạch hơn và tạo cơ hội để khu vực phi chính thức hòa nhập.

Cải thiện khả năng tiếp cận tài chính cho các dự án tái chế và hỗ trợ nâng cao năng lực

Các ngân hàng trong nước nên giải quyết tình trạng chênh lệch giữa nhu cầu tài chính của các đơn vị tái chế nhựa là DNVTN và các sản phẩm tài chính xanh hiện hành với việc xây dựng các quy định tài trợ đơn giản hơn. Cần xây dựng năng lực đánh giá tác động kinh tế và xã hội của các ngân hàng trong nước để các ngân hàng có thể thực hiện tốt hơn việc đánh giá các dự án tái chế nhựa khả thi và có khả năng cấp vốn. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và các bên liên quan cũng cần khuyến khích các ngân hàng trong nước xây dựng các sản phẩm tài chính xanh được thiết kế cụ thể để quản lý rủi ro liên quan đến tái chế và các dự án khác về tuần hoàn nhựa. Ngoài ra, còn có cơ hội cải thiện tài trợ xanh thông qua các khoản vay nhanh và có quy mô nhỏ hơn cho các đơn vị tái chế là DNVTN và nâng cao nhận thức về các phương án và quy trình hiện tại. Ngoài ra, các đơn vị tái chế cần được hỗ trợ về kỹ thuật để đáp ứng các chứng chỉ EHS nhằm có đủ điều kiện hợp lệ để vay vốn.

Khuyến khích sử dụng hàm lượng tái chế trên tất cả các ứng dụng cuối cùng quan trọng

Ước tính chỉ khoảng 33% trong số 3,9 triệu tấn hạt nhựa tiêu thụ được tái chế hàng năm, Việt Nam thiếu một thị trường thứ cấp mạnh mẽ cho nhựa tái chế. Việc Việt Nam phải phụ thuộc vào các thị trường xuất khẩu khiến ngành công nghiệp tái chế phải chịu toàn bộ gánh nặng biến động giá toàn cầu tiềm ẩn trong lĩnh vực tái chế. Do đó, cần khuyến khích sử dụng hàm lượng tái chế, bắt đầu với các chính sách ưu đãi, sau đó là chỉ tiêu/tiêu chuẩn về hàm lượng tái chế cho các ngành sử dụng nhựa lớn nhất. Chính phủ có thể đóng vai trò chủ đạo bằng cách thực hiện mua sắm công xanh (GPP) và dán nhãn các sản phẩm nhựa tái chế. Mục tiêu hàm lượng tái chế trước tiên nên tập trung vào PET cấp thực phẩm và không thuộc cấp thực phẩm vì loại nhựa này dễ tái chế hơn, và sau đó là các ứng dụng không thuộc cấp thực phẩm cho HDPE, LDPE và PP.

Quy định bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn thiết kế để tái chế đối với tất cả các loại nhựa, đặc biệt là bao bì

Bao bì chiếm khoảng 35% doanh thu của tất cả các loại nhựa tiêu thụ tại Việt Nam.⁷ Nếu không thiết kế lại và đổi mới một cách nền tảng, khoảng 30% bao bì nhựa sẽ không bao giờ được tái sử dụng hoặc tái chế.⁸ Nghiên cứu này đã xác định những thách thức về tái chế đối với sản phẩm chưa có thiết kế phù hợp hiện đang được bán trên thị trường trong nước. Do đó, Bộ Công Thương (Bộ CT) nên tham vấn ý kiến các bên liên quan thuộc khu vực nhà nước và tư nhân để phối hợp xây dựng các tiêu chuẩn thiết kế để tái chế, khuyến khích các ngành tự nguyện áp dụng các tiêu chuẩn này, và bắt buộc áp dụng các tiêu chuẩn này.

Cải thiện sự minh bạch về dữ liệu trên thị trường nhựa

Không có sẵn dữ liệu liên quan và cập nhật về quy mô thị trường tái chế địa phương đối với các loại nhựa khác nhau, bao gồm cả nhập khẩu/xuất khẩu và xu hướng giá cả cho khu vực tư nhân tiếp cận để tạo thuận lợi cho việc đầu tư vào thị trường Việt Nam. Sẽ rất hữu ích nếu Tổng cục Hải quan thiết lập cơ sở dữ liệu chính thức về nhập khẩu/xuất khẩu nhựa để có thể truy cập rộng rãi, cải thiện mức độ chính xác của nhập liệu, và Bộ Công Thương xây dựng danh mục toàn diện các đơn vị tái chế trong nước. Ngoài ra, Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA) cần khuyến khích khu vực tư nhân tham gia chia sẻ dữ liệu hơn nữa để thiết lập cơ sở dữ liệu về nhựa nguyên sinh/nhựa tái chế và xây dựng báo cáo thị trường.

Tăng khả năng tái chế cơ học và hóa học và không khuyến khích thải bỏ nhựa

Chênh lệch giữa tổng lượng nhựa tiêu thụ và năng lực chính thức hiện có ước tính để tái chế lượng nhựa này tương đương với 2,67 triệu tấn/năm hay 68% tổng lượng nhựa tiêu thụ. Chính phủ nên xem xét đưa ra các chính sách ưu đãi để khuyến khích tăng năng lực tái chế polyolefin (PP, PE) và phát triển nhựa rPET (PET tái chế) chất lượng cao cho các ứng dụng tiếp xúc với thực phẩm. Mục tiêu là đẩy nhanh đổi mới sáng tạo trên một thị trường còn non trẻ. Một khi thị trường đã được thiết lập và vật liệu tái chế có thể cạnh tranh trên cơ sở chi phí với vật liệu nguyên sinh, có thể giảm hoặc loại bỏ

hoàn toàn các chính sách ưu đãi. Cần phân tích chi tiết hơn về hiệu lực, hiệu quả, và tác động của các chính sách ưu đãi tiềm năng trước khi đưa ra các khuyến nghị cụ thể. Cần tăng phí thu gom bãi chôn lấp để hạn chế việc vứt bỏ rác thải nhựa.

Thiết lập yêu cầu cụ thể theo ngành để giúp tăng tỷ lệ thu gom và tái chế chất thải nhựa

Việc thiếu các yêu cầu thu gom/thu hồi cụ thể theo ngành đối với ngành bao bì nhựa sử dụng cuối cùng dẫn đến việc thu gom nhựa được giao hoàn toàn cho lực lượng thị trường với tỷ lệ thu gom thấp. Điều này đặc biệt đúng đối với các sản phẩm hậu tiêu dùng không dễ thu gom và có giá trị thị trường thấp. Cần quy định các mục tiêu thu gom có tính bắt buộc cho ngành bao bì sau khi tham vấn ý kiến trong ngành. Việc thiết kế và triển khai các mô hình kinh tế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất và xác định các mục tiêu thu gom bắt buộc không nên mang tính mệnh lệnh mà nên dựa trên tham vấn với ngành bao bì và xem xét các điều kiện của địa phương. Điều này đảm bảo các khoản tiền thu được từ ngành vẫn thuộc quyền sử dụng của ngành này để thực hiện các can thiệp cần thiết. Ngoài ra, các mục tiêu phải khuyến khích khả năng tái chế để được giảm phí trong mô hình kinh tế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất để đẩy nhanh tiến độ.

12 hành động ưu tiên xác định trong Bảng 1 dưới đây trong tổng số 29 hành động khuyến nghị có khả năng hỗ trợ tăng trưởng tái chế nhựa và khai thác toàn diện giá trị vật liệu. Lựa chọn này được thực hiện dựa trên phân tích của nhóm nghiên cứu và phản hồi của các bên liên quan về tính thực tiễn của việc triển khai trong giai đoạn 5 năm tới

⁷ Dữ liệu của VPA về Tiêu thụ Nhựa Trong nước năm 2019

⁸ [Ellen Macarthur Foundation New Plastics Economy: Catalyzing Action](#)

Bảng 1
TÓM TẮT 12 HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN ĐỂ GIẢI PHÓNG GIÁ TRỊ VẬT LIỆU THẤT THOÁT

Hành động Ưu tiên	Thời gian	Bên liên quan Chính
Bảo đảm các cơ quan có trách nhiệm có đủ thẩm quyền và nguồn lực để phối hợp với các bên liên quan xây dựng các nghị định và thông tư cần thiết và thực thi Luật BVMT	1-2 năm	Chính phủ
Khuyến khích giảm sử dụng nhựa (vd: loại bỏ dần những sản phẩm nhựa không cần thiết) và các hệ thống tái sử dụng (vd: chai có thể nạp lại, mô hình phân phối mới, và mô hình kinh doanh)		
Quy định và điều chỉnh hài hòa các tiêu chuẩn và mục tiêu phân loại tại nguồn và thu gom riêng		
Hoàn thiện khung tài trợ xanh hiện tại để có chính sách ưu đãi và hỗ trợ cụ thể cho chuỗi giá trị tái chế nhựa		
Quy định tiêu chuẩn quốc gia về thiết kế để tái chế cho bao bì nhựa		
Khuyến khích tăng năng lực tái chế PE/PP chính thức; phát triển tái chế PET chất lượng cao hơn	3-5 năm	
Xây dựng các tiêu chuẩn rõ ràng đối với việc nhập khẩu nhựa phế liệu có chất lượng để sản xuất hạt, bán thành phẩm và/hoặc thành phẩm nhựa; tránh việc cấm hoàn toàn nhập khẩu phế liệu nhựa		
Xây dựng các quy trình thực tế để tài trợ cho các doanh nghiệp tuần hoàn nhựa	1-2 năm	Chính phủ và khu vực tư nhân
Xây dựng và triển khai các chính sách ưu đãi cho việc sử dụng hàm lượng tái chế		
Thiết lập mục tiêu/tiêu chuẩn hàm lượng tái chế cho các ngành lớn sử dụng sản phẩm nhựa cuối		
Bộ CT/Tổng cục Hải quan chính thức (i) thiết lập cơ sở dữ liệu có thể truy cập rộng rãi về xuất/nhập khẩu nhựa; (ii) cải thiện mức độ chính xác của nhập liệu; và (iii) xây dựng danh mục toàn diện các đơn vị tái chế trong nước		
Quy định các chỉ tiêu thu gom cho ngành bao bì, dựa trên sự tham vấn ngành		



WORLD BANK GROUP

THE WORLD BANK
IBRD • IDA

IFC

International
Finance Corporation

PROBLUE



Administered by
THE WORLD BANK
IBRD • IDA | WORLD BANK GROUP